

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4825** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **07** tháng **9** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật Nhi khoa của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa”, gồm 300 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục KCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Viết Tiến

DANH SÁCH 300 HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT NHI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
I	NỘI KHOA
1.	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson
2.	Sinh thiết gan bằng kim/ dụng cụ sinh thiết dưới siêu âm
3.	Nội soi khí phế quản hút đờm
4.	Chọc hút dịch, khí trung thất
5.	Nội soi khí phế quản cấp cứu
6.	Bơm rửa phế quản không bàn chải
7.	Bơm rửa phế quản có bàn chải
8.	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
9.	Nội soi khí phế quản lấy dị vật
10.	Nội soi màng phổi sinh thiết
11.	Thở oxy gọng kính-HH
12.	Thở oxy qua mặt nạ -HH
13.	Nội soi phế quản ống mềm
14.	Nội soi phế quản ống cứng
15.	Khí dung mũi họng
16.	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
17.	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
18.	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính
19.	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
20.	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi
21.	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe
22.	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23.	Điện não đồ thường quy
24.	Điện não đồ video
25.	Đo dẫn truyền thần kinh ngoại biên
26.	Ghi điện cơ kim
27.	Chọc dịch tủy sống
28.	Điều trị trạng thái động kinh
29.	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
30.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
31.	Bít lỗ thông liên nhĩ
32.	Bít lỗ thông liên thất
33.	Bít lỗ thông ống động mạch
34.	Phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng mổ mở
35.	Phẫu thuật điều trị bệnh hẹp eo động mạch chủ
36.	Phá vách liên nhĩ
37.	Nong hẹp nhánh động mạch phổi

38.	Nong van động mạch phổi
39.	Thông tim ống lớn và chụp buồng tim cân quang
40.	Thận nhân tạo cấp cứu liên tục
41.	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
42.	Đặt ống thông bàng quang
43.	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
44.	Lọc màng bụng cấp cứu
45.	Lọc màng bụng chu kỳ
46.	Thận nhân tạo thường quy chu kỳ
47.	Chọc dịch màng bụng
48.	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm
II	NGOẠI KHOA
49.	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian
50.	Phẫu thuật điều trị trật khớp háng bẩm sinh
51.	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh
52.	Phẫu thuật dị tật ngón, bàn và dưới 2 ngón tay
53.	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò sung
54.	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương tạo varus)
55.	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương chậu, tạo mái che đầu xương đùi)
56.	Phẫu thuật gấp khớp gối do bại não, nối dài gân cơ gấp gối, cắt thần kinh ?
57.	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu
58.	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu
59.	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu
60.	Phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não
61.	Phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương
62.	Phẫu thuật chuyển cơ giang ngắn ngón I điều trị tách ngón I bẩm sinh
63.	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel
64.	Phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh
65.	Phẫu thuật nối thực quản ngay trong điều trị teo thực quản
66.	Phẫu thuật điều trị luồng trào ngược dạ dày, thực quản
67.	Mở cơ môn vị (điều trị hẹp phì đại môn vị)-mổ mở
68.	Phẫu thuật điều trị teo ruột
69.	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng
70.	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 1 thì
71.	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng một thì
72.	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản
73.	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng
74.	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp phì đại môn vị
75.	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị teo ruột
76.	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
77.	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non
78.	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ sơ sinh
79.	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng đường trước xương cùng và sau trực tràng
80.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị nhào cơ hoành trẻ lớn

81.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị hoành
82.	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt u tuyến thượng thận
83.	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn
84.	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì
85.	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn
86.	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)
87.	Phẫu thuật sửa toàn bộ trong bệnh lý teo phổi và vách liên thất kín
88.	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ
89.	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất
90.	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh tứ chứng Fallot
91.	Mở thông dạ dày bằng nội soi
92.	Nội soi dạ dày cầm máu
93.	Cầm máu thực quản qua nội soi
94.	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm
95.	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu
96.	Soi đại tràng cầm máu
97.	Soi đại tràng sinh thiết
98.	Nội soi trực tràng cấp cứu
99.	Nội soi nông hẹp thực quản, tâm vị
100.	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật
101.	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu
102.	Nội soi thực quản-dạ dày, điều trị giãn tĩnh mạch thực quản
103.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết
104.	Soi đại tràng Sigma
105.	Soi đại tràng lấy dị vật
106.	Nội soi (Chích) tiêm keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị
107.	Nội soi trực tràng
108.	Nội soi tiêu hoá với gây mê (dạ dày - đại tràng)
109.	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa
110.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị
111.	Tiêm xơ tĩnh mạch thực quản
112.	Thắt tĩnh mạch thực quản
113.	Nông hẹp thực quản, môn vị, tá tràng
114.	Thắt vòng cao su và tiêm cầm máu qua nội soi
115.	Nội soi cắt Polyp ống tiêu hóa (Thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng) (23)
116.	Nội soi cắt polyp dạ dày
117.	Nội soi cắt Polyp trực tràng, đại tràng
118.	Phẫu thuật bệnh lý ống động mạch ở trẻ em bằng phẫu thuật nội soi
119.	Phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm
120.	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất
121.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị hoành trẻ sơ sinh
122.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị teo thực quản: nối ngay
123.	Phẫu thuật nội soi điều trị lõm lồng ngực (Kỹ thuật Nuss)
124.	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi
125.	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết
126.	Phẫu thuật nội soi có Robot- cắt u trung thất

127.	Phẫu thuật nội soi có Robot- thùy phổi
III	HỒI SỨC CẤP CỨU
128.	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
129.	Ép tim ngoài lồng ngực
130.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
131.	Đặt ống nội khí quản
132.	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu
133.	Mở màng giáp nhân cấp cứu
134.	Thổi ngạt
135.	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
136.	Thở oxy qua ống chữ T
137.	Thông tiêu
138.	Rửa dạ dày cấp cứu
139.	Đặt sonde hậu môn
140.	Thụt tháo phân
141.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
142.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
143.	Vận chuyển người bệnh an toàn
144.	Cầm máu (vết thương chảy máu)
145.	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
146.	Truyền dịch vào tủy xương
147.	Tiêm tĩnh mạch
148.	Truyền tĩnh mạch
149.	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi
150.	Thở máy với tần số cao (HFO)
151.	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi
152.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
153.	Thở máy bằng xâm nhập
154.	Cai máy thở
155.	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy
156.	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
157.	Lọc máu liên tục (CRRT)
158.	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt
159.	Thay huyết tương (Plasma Exchange)
160.	Siêu lọc máu tái hấp thụ phân tử (Siêu lọc gan -MARS)
161.	Đặt catheter não thất đo áp lực nội sọ liên tục
162.	Kỹ thuật tiến hành và theo dõi áp lực nội sọ
163.	Điều trị tăng áp lực động mạch phổi bằng khí NO
164.	Tim phổi nhân tạo (ECMO)
165.	Đặt, theo dõi, xử trí máy tạo nhịp tim tạm thời bằng điện cực sau phẫu thuật tim hở
166.	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu
167.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ
168.	Đo độ bão hòa oxy trung tâm cấp cứu
169.	Kích thích tim với tần số cao
170.	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong
171.	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu

172.	Mở màng phổi tối thiểu
173.	Dẫn lưu màng phổi liên tục
174.	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
175.	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
176.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm
177.	Thăm phân phúc mạc
178.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
179.	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở
180.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày
181.	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
182.	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
183.	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa
184.	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện(vết phẫu thuật)
185.	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (catheter)
186.	Đặt catheter động mạch
187.	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh
188.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
189.	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
190.	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh
191.	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
192.	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín
193.	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
194.	Thay máu sơ sinh
IV	MẮT- RĂNG HÀM MẶT- TAI MŨI HỌNG
195.	Xạ hình gan - mật với ^{99m} Tc – HIDA
196.	SPECT thận
197.	SPECT xương, khớp
198.	Xạ hình chẩn đoán u máu trong gan với hồng cầu đánh dấu ^{99m} Tc
199.	Xạ hình chức năng thận với ¹³¹ I – Hippuran
200.	Xạ hình thận với ^{99m} Tc – DMSA
201.	Xạ hình xương 3 pha
202.	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với ^{99m} Tc Pertechnetate
203.	Lấy dị vật hốc mắt
204.	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser
205.	Phẫu thuật lác thông thường
206.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
207.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)
208.	Lấy dị vật giác mạc
209.	Lấy dị vật kết mạc
210.	Tiêm nội nhãn (kháng sinh, Avastin, corticoid)
211.	Rạch áp xe túi lệ
212.	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
213.	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài
214.	Bơm thông lệ đạo
215.	Bơm rửa lệ đạo
216.	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc

217.	Bóc giả mạc
218.	Rạch áp xe mi
219.	Soi đáy mắt trực tiếp
220.	Soi đáy mắt bằng Schepens
221.	Khám mắt
222.	Phẫu thuật laser bệnh võng mạc sơ sinh (ROP)
223.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
224.	Cắt u mi cả bề dày không vá
225.	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ cố định
226.	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ cố định
227.	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ cố định
228.	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
229.	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear
230.	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Facemask
231.	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
232.	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định Nance
233.	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
234.	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng Microimplant
235.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
236.	Nắn chỉnh răng ngậm sử dụng khí cụ cố định
237.	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
238.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
239.	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
240.	Nắn chỉnh trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm
241.	Làm dài thân răng lâm sàng bằng khí cụ cố định
242.	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
243.	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn quang trùng hợp
244.	Đóng khoảng răng bằng khí cụ cố định
245.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
246.	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
247.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
248.	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
249.	Phẫu thuật cắt cuống răng
250.	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
251.	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng
252.	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ tháo lắp
253.	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ tháo lắp
254.	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ tháo lắp
255.	Nhổ răng thừa
256.	Nhổ răng vĩnh viễn
257.	Điều trị tuỷ răng sữa
258.	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂
259.	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement (GIC)
260.	Nhổ răng sữa
261.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt

262.	Mở khí quản
263.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
264.	Nội soi thanh quản cắt papilloma
265.	Phẫu thuật tiết căn xương chũm
266.	Cấy điện cực ốc tai
267.	Phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII
268.	Lấy dị vật tai
269.	Nhét bắc mũi sau
270.	Nhét bắc mũi trước
271.	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)
272.	Lấy dị vật hạ họng
273.	Nội soi cầm máu mũi
274.	Phẫu thuật đặt ống thông khí
275.	Phẫu thuật cuốn dưới bằng coblator
276.	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai
277.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
278.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới
279.	Phẫu thuật nạo VA gây mê
280.	Đo điện thính giác thân não(ABR)
281.	Phẫu thuật chấn thương xoang trán
282.	Test hành vi cảm xúc CBCL
283.	Test tăng động giảm chú ý Vandebilt
284.	Trắc nghiệm tâm lý Beck
285.	Trắc nghiệm tâm lý Zung
286.	Trắc nghiệm tâm lý Raven
287.	Liệu pháp thư giãn luyện tập
288.	Liệu pháp tâm lý nhóm
289.	Liệu pháp tâm lý gia đình
290.	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình
291.	Liệu pháp giải thích hợp lý
292.	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động
293.	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)
294.	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)
295.	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV
296.	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ
297.	Kỹ năng giao tiếp sớm
298.	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói
299.	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt
300.	Kỹ năng điều hoà cảm giác

KI. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


 Nguyễn Viết Tiến